

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671005 - Thí nghiệm Hóa học đại cương

STC : 1(15,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Anh	Tuấn	3671030031	06/10/1994		,00	,00	Nợ HP
2	Đàm Quang	Huy	3671030042	25/08/1992		,00	,00	
3	Trần Anh	Vũ	3671030046	01/02/1994		6,00	6,00	
4	Hồ Quốc	Bảo	3671030049	14/03/1994		,00	,00	Nợ HP
5	Phan Bá	Cầu	3671030067	23/12/1994		,00	,00	Nợ HP
6	Đỗ Trọng	Nguyên	3671030069	04/03/1994		,00	,00	
7	Văn Công Tuấn	Anh	3671030072	07/05/1993		,00	,00	Nợ HP
8	Đỗ Nhựt	Minh	3671030096	14/09/1994		6,30	6,30	
9	Trần Phạm Thanh	Tài	3671030098	16/10/1994		6,30	6,30	
10	Võ Hoàng	Nam	3671030099	26/08/1994		5,80	5,80	
11	Dương Trung	Quốc	3671030102	01/01/1994		5,30	5,30	
12	Lý Thế	Diễn	3671030111	25/08/1994		7,00	7,00	
13	Lê Hạnh	Toàn	3671030114	06/08/1994		6,80	6,80	
14	Nguyễn Thanh	Trọng	3671030116	02/11/1994		,00	,00	
15	Lê Đức	Huy	3671030122	12/02/1993		8,00	8,00	
16	Nguyễn Bảo	Quốc	3671030138	17/10/1994		5,50	5,50	
17	Nguyễn Thành	Phúc	3671030152	16/07/1994		5,50	5,50	
18	Nguyễn Nhật	Nam	3671030154	20/11/1994		5,00	5,00	
19	Lê Quang	Huy	3671030157	16/07/1994		9,00	9,00	Nợ HP
20	Lê Xuân	Thông	3671030163	01/01/1994		6,00	6,00	
21	Ngô Đình	Hưng	3671030175	02/01/1992		7,50	7,50	
22	Lương Hoàng	Lộc	3671030188	20/07/1994		,00	,00	Nợ HP
23	Huỳnh Bạch Duy	Phát	3671030191	06/05/1994		5,50	5,50	
24	Trần Huy	Bảo	3671030209	12/03/1993		6,30	6,30	
25	Hồ Võ Quốc	Bảo	3671030215	20/09/1994		5,80	5,80	
26	Nguyễn Thanh	Tinh	3671030219	14/09/1991		5,00	5,00	Nợ HP
27	Nguyễn Danh	Tài	3671030222	06/06/1994		6,30	6,30	
28	Nguyễn Hữu	Phiến	3671030225	24/07/1994		,00	,00	Nợ HP
29	Bùi Phan Tín	Đông	3671030227	24/08/1994		6,00	6,00	
30	Phạm Chí	Hướng	3671030229	10/12/1994		8,00	8,00	
31	Phạm Duy	Tuấn	3671030241	09/03/1994		6,50	6,50	
32	Nguyễn Thế	Chiến	3671030243	28/02/1993		6,30	6,30	
33	Phạm An	Khang	3671030256	05/09/1994		5,00	5,00	
34	Tăng Thanh	Hùng	3671030258	10/05/1992		5,00	5,00	
35	Lê Minh	Nhật	3671030263	22/08/1994		5,00	5,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn	Hoàng	3671030268	24/06/1994		,00	,00	Nợ HP
37	Huỳnh Đông	Khoa	3671030279	10/02/1993		5,50	5,50	
38	Nguyễn Thị	Nết	3671030286	11/10/1994		8,50	8,50	
39	Phạm Hà Việt	Anh	3671030295	17/11/1993		6,00	6,00	Nợ HP
40	Nguyễn Vũ	Đức	3671030296	16/08/1994		6,30	6,30	
41	Lý Văn	Đức	3671030297	17/09/1991		5,00	5,00	
42	Lê Nhựt	Thanh	3671030298	03/09/1994		7,50	7,50	
43	Trương Hoài	Trưởng	3671030301	09/08/1994		7,00	7,00	
44	Nguyễn Quốc	Trung	3671030303	27/09/1994		6,30	6,30	
45	Nguyễn Tấn	Thức	3671030305	15/06/1994		5,00	5,00	
46	Phạm Trọng	Hậu	3671030306	08/09/1994		7,50	7,50	
47	Lê Hồng	Thịnh	3671030309	22/09/1994		5,00	5,00	
48	Dương Ngọc	Thịnh	3671030313	02/03/1994		5,00	5,00	
49	Phan Minh	Thơ	3671030315	01/03/1994		7,00	7,00	
50	Ngô Viết	Lâm	3671031630	15/02/1990		,00	,00	Nợ HP
51	Nguyễn Văn	Rớt	3671031864	09/02/1994		6,80	6,80	
52	Võ Chấn	Khang	3671031909	14/07/1994		5,00	5,00	
53	Nguyễn Hoàng	Nam	3671031936	17/11/1994		6,30	6,30	
54	Nguyễn Văn	Trọng	3671031974	11/12/1993		,00	,00	Nợ HP
55	Huỳnh Quốc	Đạt	3671032025	21/11/1994		6,30	6,30	
56	Ngô Hồng	Kha	3671032053	13/11/1993		5,00	5,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)